



ĐẠI DIỆN LIÊN DANH NNP-CDC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NNP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 82D /2023/CV-NNP

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2023

V/v: Báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn quý IV năm 2023

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn

Công ty Cổ phần Đầu tư NNP xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Sở!

Phúc đáp Công văn số 2602/SXD-HTKT&VLXD ngày 7/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn quý IV năm 2023 và năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư NNP (đại diện liên danh chủ đầu tư dự án) xin báo cáo Quý Sở thông tin về nhà ở tại Dự án Nhà ở xã hội số 2, Thành phố Lạng Sơn quý IV năm 2023 với các nội dung theo biểu mẫu đính kèm.

Dự án Nhà ở xã hội số 2, Thành phố Lạng Sơn được chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn môi giới bất động sản là Công ty Cổ phần G-Home triển khai bán hàng không thông qua sàn giao dịch bất động sản, nên tình hình giao dịch, chuyển nhượng bất động sản Quý IV/2023 chi tiết xem tại Biểu mẫu số 12.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c)
- Người đại diện vốn của NNP tại Dự án NOXH2 Lạng Sơn (để biết)
- Lưu QLKD&VHSĐT
- Lưu VT

Các biểu mẫu kèm theo: BM10 và BM12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NNP



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hiền

Biểu mẫu số 10

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN VÀ SẢN PHẨM BẤT ĐỘNG SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH
Kỳ cung cấp: Quý IV/2023 và năm 2023

1. Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu: Chủ đầu tư
2. Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu: Sở Xây dựng

I.	THÔNG TIN DỰ ÁN
1	Tên chủ đầu tư: Liên danh Công ty CP Đầu tư NNP và Công ty CP CDC Hà Nội (Đại diện liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư NNP)
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0103754513 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/4/2009. Đăng ký thay đổi lần 8 ngày 06/5/2021
3	Địa điểm thực hiện dự án: Khu đô thị phía Đông, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
4	Quy mô dự án : 1,847 ha
5	Tổng vốn đầu tư: 734,7241 tỷ đồng (Theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐQT-NNP ngày 28/3/2022 của HĐQT Công ty NNP vv Phê duyệt Tổng dự toán xây dựng công trình GP1, GP2, GP3; Dự án đầu tư Nhà ở xã hội số 2, Tp Lạng Sơn; Phương án giá bán căn hộ GP1, GP2 điều chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở xây dựng tỉnh Lạng Sơn tại văn bản số 478/SXD-HTKT&VLXD ngày 28/3/2022(Tổng vốn đầu tư đã bao gồm chi phí hỗ trợ đền bù GPMB)
6	Thời hạn hoạt động của dự án: 02 năm kể từ thời điểm bàn giao mặt bằng đạt 100% diện tích đất cho Nhà đầu tư (Theo Hợp đồng dự án ký kết ngày 14/6/2019 giữa UBND tỉnh Lạng Sơn với Liên danh Công ty CP Đầu tư NNP và Công ty CP CDC Hà Nội). Tính tới thời điểm báo cáo UBND Thành phố Lạng Sơn đã bàn giao 13.137,9m ² /18.470m ² đất dự án cho Nhà đầu tư (tương ứng 71,1%) và chưa xác định được chính xác kế hoạch bàn giao đất phần còn lại
7	Tiến độ dự án được duyệt: Từ quý III/2019 đến quý IV/2024 (Theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐQT-NNP ngày 28/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty NNP)
8	Văn bản pháp lý của dự án:
	- Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án NOXH số 2, Thành phố Lạng Sơn.
	- Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500
	- Bản vẽ quy hoạch (Kèm theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn)
	- Giấy phép xây dựng Dự án NOXH số 2, Thành phố Lạng Sơn số 07/GPXD-SXD ngày 17/7/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc cấp phép xây dựng Nhà ở thấp tầng (36 lô), Hạ tầng kỹ thuật thuộc tổng thể Dự án Nhà ở xã hội số 2 Lạng Sơn

	<p>- Văn bản số 2359/SXD-HTKT&VLXD ngày 27/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê, cho thuê mua đối với khối chung cư cao tầng GP1, GP2 tại dự án Nhà ở xã hội số 2, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn</p> <p>- Văn bản số 581/SXD-QLXD ngày 23/4/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v miễn phép xây dựng đối với công trình Chung cư cao tầng GP1, GP2, GP3 thuộc Dự án Nhà ở xã hội số 2 TP Lạng Sơn.</p> <p>- Giấy phép xây dựng số 04/GPXD-SXD ngày 10/8/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v cấp phép xây dựng Khu nhà ở thấp tầng (05) lô thuộc Dự án Nhà ở xã hội số 2, TP Lạng Sơn.</p> <p>- Văn bản số 573/SXD-HTKT&VLXD ngày 22/4/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán tại Dự án Nhà ở xã hội số 2, Thành phố LẠNG SƠN đối với Nhà ở thấp tầng (36 căn) theo giấy phép số 07/GPXD-SXD</p> <p>- Văn bản số 1833/SXD-HTKT&VLXD ngày 20/10/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán tại Dự án Nhà ở xã hội số 2, Thành phố LẠNG SƠN đối với Nhà ở thấp tầng (05 căn) theo giấy phép số 04/GPXD-SXD</p> <p>- Văn bản số 2359/SXD-HTKT&VLXD ngày 27/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê, cho thuê mua đối với khối chung cư cao tầng GP1, GP2 tại dự án Nhà ở xã hội số 2, TP Lạng Sơn.</p> <p>- Văn bản số 478/SXD-HTKT&VLXD ngày 28/3/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v Thông báo kết quả thẩm định giá bán nhà ở xã hội (căn hộ chung cư GP1, GP2) thuộc dự án Nhà ở xã hội số 2, TP Lạng Sơn.</p>			
II.	LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP			
1	Doanh nghiệp Việt Nam			
III	DỰ ÁN CHUYÊN NHƯỢNG: Không			
IV.	BẤT ĐỘNG SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯA VÀO GIAO DỊCH			
STT	Loại hình bất động sản đủ điều kiện đưa vào giao dịch	Cơ cấu loại hình bất động sản của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Kê khai trước khi có thông báo khởi công xây dựng hoặc trước khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng để thực hiện dự án (nếu có))	Bất động sản đủ điều kiện giao dịch trong kỳ báo cáo (Kê khai trước khi dự án có thông báo đủ điều kiện giao dịch, bán nhà ở hình thành trong tương lai, trước khi chủ đầu tư đưa bất động sản của dự án ra giao dịch)	Lấy kê sản phẩm bất động sản đủ điều kiện đưa vào giao dịch
(1)	(2)	Số lượng (căn, phòng, lô) (3)	Số lượng (căn, phòng, lô) (5)	Số lượng (căn, phòng, lô) (7)
I	BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở	Diện tích (m ²) (4)	Diện tích (m ²) (6)	Diện tích (m ²) (8)
A	NHÀ Ở THƯƠNG MẠI			

1	Nhà ở riêng lẻ (Biệt thự, liền kề)	41 căn	3762,5 m ² đất, 14.180,7 m ² sàn XD	Trong kỳ báo cáo không phát sinh bất động sản đủ điều kiện giao dịch. Toàn bộ 41 căn nhà ở đều đã đủ điều kiện giao dịch trước ngày 20/10/2021 (CV 573/SXD-HTKT&VLXD ngày 22/4/2021 và CV 1833/SXD-HTKT&VLXD ngày 20/10/2021 của SXD v/v đủ điều kiện bán hàng	41 căn nhà	3762,5 m ² đất, 14.180,7 m ² sàn XD
B	NHÀ Ở XÃ HỘI					
2	Chung cư	796 căn hộ	49897,5 m ²	Trong kỳ báo cáo không phát sinh bất động sản đủ điều kiện giao dịch. Các căn hộ tòa GP1, GP2 đã đủ điều kiện đưa vào giao dịch trước ngày 28/3/2022 (CV số 2359/SXD-HTKT&VLXD ngày 27/12/2021 của SXD v/v đủ điều kiện bán hàng và VB số 478/SXD&VLXD ngày 28/3/2022 của SXD v/v thẩm định giá bán nhà GP1, GP2)	424 căn hộ	25.357m ²

Ghi chú: Các dữ liệu đưa vào báo cáo quý IV/2023 và cả năm tính tới thời điểm 8/12/2023 nên chỉ mang tính tương đối.

Biểu mẫu số 12

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN CỦA DỰ ÁN

Kỳ cung cấp: Quý IV/2023

1. Đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu: Chủ đầu tư

2. Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu: Sở Xây dựng

I. THÔNG TIN DỰ ÁN	
1	Địa điểm: Khố 8, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
2	Quy mô dự án (ha): 1,847 ha
3	Văn bản pháp lý: (các tài liệu được gửi kèm theo định dạng pdf)
	- Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án NOXH số 2, Thành phố Lạng Sơn.
	- Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500
	- Bản vẽ quy hoạch (Kèm theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn)
	- Giấy phép xây dựng Dự án NOXH số 2, Thành phố Lạng Sơn số 07/GPXD-SXD ngày 17/7/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc cấp phép xây dựng Nhà ở thấp tầng (36 lô), Hạ tầng kỹ thuật thuộc tổng thể Dự án Nhà ở xã hội số 2 Lạng Sơn
	- Văn bản số 2359/SXD-HTKT&VLXD ngày 27/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê, cho thuê mua đối với khối chung cư cao tầng GP1, GP2 tại dự án Nhà ở xã hội số 2, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn
	- Văn bản số 581/SXD-QLXD ngày 23/4/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v miễn phép xây dựng đối với công trình Chung cư cao tầng GP1, GP2, GP3 thuộc Dự án Nhà ở xã hội số 2 TP Lạng Sơn.
	- Giấy pháp xây dựng số 04/GPXD-SXD ngày 10/8/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v cấp phép xây dựng Khu nhà ở thấp tầng (05) lô thuộc Dự án Nhà ở xã hội số 2, TP Lạng Sơn.
	- Văn bản số 573/SXD-HTKT&VLXD ngày 22/4/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán tại Dự án Nhà ở xã hội số 2, Thành phố Lạng Sơn đối với Nhà ở thấp tầng (36 căn) theo giấy phép số 07/GPXD-SXD
	- Văn bản số 1833/SXD-HTKT&VLXD ngày 20/10/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán tại Dự án Nhà ở xã hội số 2, Thành phố Lạng Sơn đối với Nhà ở thấp tầng (05 căn) theo giấy phép số 04/GPXD-SXD
	- Văn bản số 2359/XDH-HTKT&VLXD ngày 27/12/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê, cho thuê mua đối với khối chung cư cao tầng GP1, GP2 tại dự án Nhà ở xã hội số 2, TP Lạng Sơn.
	- Văn bản số 478/SXD-HTKT&VLXD ngày 28/3/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn v/v Thông báo kết quả thẩm định giá bán nhà ở xã hội (căn hộ chung cư GP1, GP2) thuộc dự án Nhà ở xã hội số 2, TP Lạng Sơn.
II. PHÂN LOẠI VỀ NGUỒN VỐN	

Doanh nghiệp Việt Nam													
BÁT ĐỘNG SẢN GIAO DỊCH TRONG KỲ													
STT	Loại hình bất động sản	Họ tên người mua/số CCCD (Dành cho người mua nhà ở xã hội)	BÁN				CHO THUÊ				Tồn kho bất động sản (Lấy kế bất động sản còn lại chưa giao dịch trong kỳ báo cáo)	Số lượng đã được cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (căn, lô, phòng)	
			Số lượng (căn, lô, phòng)	Diện tích (m ²)	Giá bán bất động sản/m ² (triệu đồng)	Giá trị hợp đồng mua, bán (không bao gồm thuế, phí chuyển nhượng)	Số lượng (căn, lô, phòng)	Diện tích (m ²)	Giá thuê bất động sản/m ² (triệu đồng)	Giá trị hợp đồng thuê (không bao gồm thuế, phí chuyển nhượng)			Số lượng (căn, lô, phòng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)x(10)	(12)	(13)	(14)
I	BÁT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở												
A	NHÀ Ở THƯƠNG MẠI												
1	Nhà ở riêng lẻ (Biệt thự, liên kế)										08 căn	760,8 m ² đất	0
B	NHÀ Ở XÃ HỘI												
2	Chung cư	Theo phụ lục đính kèm		4.713	12,8 trđ/m ² (sau thuế và chưa bao gồm kinh phí bảo trì)	25,793 tỷ đồng (sau thuế và chưa bao gồm kinh phí bảo trì)	-	-	-	-			

2.1	Chung cư GP1	Theo phụ lục đính kèm	245,5	12,478trđ/ m2 (sau thuế và chưa bao gồm kinh phí bảo trì)	3,063 tỷ đồng (sau thuế và chưa bao gồm kinh phí bảo trì)				27 căn	1.454,0	0
2.2	Chung cư GP2	Theo phụ lục đính kèm	1.806,0	12,586 trđ/m2 (sau thuế, chưa bao gồm kinh phí bảo trì)	22,730 tỷ đồng (sau thuế và chưa bao gồm kinh phí bảo trì)				57 căn	3.130,5	0

Ghi chú: Các dữ liệu đưa vào báo cáo quý IV/2023 tính tới thời điểm 8/12/2023 nên chỉ mang tính tương đối.

BẤT ĐỘNG SẢN GIAO DỊCH TRONG KỲ: QUÝ IV/2023 TẠI DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI SỐ 2, THÀNH PHỐ LẠNG SON
(Đình kèm biểu mẫu số 12: Thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch bất động sản của Dự án)

Stt	Nội dung	Tên khách hàng	Ngày ký HĐMB	Số CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Diện tích	Giá trị nhà ở (sau thuế)	Giá trị nhà ở (sau thuế + KPBT)
	Chung cư GP1+GP2								
I	Tòa GP1						245,5	3.063.193.000	3.121.539.533
1	GP1-05A13/HĐMB/LSGP	Nguyễn Huy Hùng	16/10/2023	030095007472	12/1/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	741.427.500	755.549.929
2	GP1-08A06/HĐMB/LSGP	Hoàng Thị Nhung	10/11/2023	020192009658	25/6/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	53,0	657.995.000	670.528.238
3	GP1-08A14/HĐMB/LSGP	Phạm Thị Phương Thùy	12/10/2023	025191014786	13/8/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	69,5	911.770.500	929.137.557
4	GP1-1101/HĐMB/LSGP	Ngô Xuân Đài	10/11/2023	020081010072	1/9/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	62,5	752.000.000	766.323.810
II	Tòa GP2						1.806,0	22.730.210.500	23.163.166.890
1	GP2-0303/HĐMB/LSGP	Lương Quý Đôn	28/10/2023	020083006357	24/6/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	62,5	788.687.500	803.710.119
2	GP2-0304/HĐMB/LSGP	Nguyễn Minh Đức	6/10/2023	020083005221	3/6/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	56,0	701.792.000	715.159.467
3	GP2-0305/HĐMB/LSGP	Nguyễn Thị Bình Minh	6/10/2023	020182002403	20/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	56,0	701.792.000	715.159.467
4	GP2-0306/HĐMB/LSGP	La Văn Khắc	14/11/2023	024067010054	9/5/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	53,0	652.324.000	664.749.219
5	GP2-0307/HĐMB/LSGP	Hứa Lịch Thiệp	25/10/2023	020178006797	7/9/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	53,0	652.324.000	664.749.219
6	GP2-0308/HĐMB/LSGP	Nguyễn Huyền Giang	8/11/2023	019189012411	26/4/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	54,0	664.632.000	677.291.657
7	GP2-0309/HĐMB/LSGP	Phạm Thành Vinh	5/10/2023	020091002862	4/5/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	69,5	927.338.500	945.002.090
8	GP2-0311/HĐMB/LSGP	Phạm Thị Thủy	24/11/2023	020186009336	10/5/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
9	GP2-05A12/HĐMB/LSGP	Cam Khánh Trình	4/10/2023	020088007717	1/6/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
10	GP2-0506/HĐMB/LSGP	Vũ Thị Len	11/11/2023	030173009743	25/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	53,0	655.610.000	668.097.810
11	GP2-0508/HĐMB/LSGP	Hoàng Văn Tuyển	2/10/2023	020089002710	20/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	54,0	667.980.000	680.703.429
12	GP2-0605/HĐMB/LSGP	Vì Thị Lệ Hằng	15/11/2023	020177000560	8/4/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	56,0	708.064.000	721.550.933
13	GP2-0606/HĐMB/LSGP	Hoàng Linh Chi	8/11/2023	020193001884	25/4/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	53,0	658.260.000	670.798.286
14	GP2-0612/HĐMB/LSGP	Đảm Thu Tuyển	28/10/2023	020184009818	28/9/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	772.524.500	787.239.252

Sst	Nội dung	Tên khách hàng	Ngày ký HĐMB	Số CCCD	Ngày cấp	Nơi cấp	Diện tích	Giá trị nhà ở (sau thuế)	Giá trị nhà ở (sau thuế +KPBT)
15	GP2-08A12/HĐMB/LSGP	Nguyễn Thị Hiền	5/10/2023	024178009157	28/9/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	761.937.000	776.450.086
16	GP2-0908/HĐMB/LSGP	Nguyễn Thị Hương	16/10/2023	020188008038	18/11/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	54,0	670.680.000	683.454.857
17	GP2-0912/HĐMB/LSGP	Lê Thị Hà	13/11/2023	020183002391	20/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	772.524.500	787.239.252
18	GP2-1008/HĐMB/LSGP	Đinh Thị Diệu	6/10/2023	020198006777	13/2/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	54,0	669.330.000	682.079.143
19	GP2-1108/HĐMB/LSGP	Lương Thị Hiệu	14/10/2023	020192004684	14/8/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	54,0	669.330.000	682.079.143
20	GP2-1110/HĐMB/LSGP	Hoàng Thị Oanh	4/10/2023	020186002629	20/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	771.012.000	785.697.943
21	GP2-1408/HĐMB/LSGP	Đàm Minh Hải	24/10/2023	020095002536	3/5/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	54,0	664.632.000	677.291.657
22	GP2-1410/HĐMB/LSGP	Nông Thế Lực	31/10/2023	020092009953	28/8/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
23	GP2-1411/HĐMB/LSGP	Nông Thị Lụa	12/10/2023	020197001346	29/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
24	GP2-1412/HĐMB/LSGP	Hoàng Thị Minh	30/10/2023	020167001012	16/4/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
25	GP2-1413/HĐMB/LSGP	Trần Văn Chiến	28/11/2023	020066000118	12/3/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
26	GP2-1501/HĐMB/LSGP	Phí Thị Hồng Nhung	4/10/2023	020189000694	25/3/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	62,5	778.562.500	793.392.262
27	GP2-1612/HĐMB/LSGP	Đinh Xuân Tôn	11/10/2023	020088000509	7/9/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	771.012.000	785.697.943
28	GP2-1710/HĐMB/LSGP	Lãnh Bảo Khánh	30/10/2023	020099005779	10/5/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
29	GP2-1711/HĐMB/LSGP	Lưu Thị Thảo	14/10/2023	0201890005703	16/8/2022	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	765.748.500	780.334.186
30	GP2-1811/HĐMB/LSGP	Trần Thị Hoàng Mai	11/11/2023	020189012593	25/6/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	761.937.000	776.450.086
31	GP2-1812/HĐMB/LSGP	Chu Thị Ngọc Thắm	17/11/2023	020187001088	29/3/2021	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	60,5	761.937.000	776.450.086